

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6 TUẦN 6 (Từ 11/10 đến 16/10/2021)

Phân Lịch sử

CHƯƠNG 3 XÃ HỘI CỔ ĐẠI **BÀI 6: AI CẬP CỔ ĐẠI (Tiết 1, 2)**

A. Nội dung hướng dẫn HS tự tìm hiểu bài

I. Điều kiện tự nhiên

HS quan sát hình 6.1 Lược đồ Ai Cập cổ đại sgk trang 32 để xác định vị trí hình thành nên quốc gia Ai Cập cổ đại và điền vào chỗ trống sau:

- Ai Cập nằm ở:.....
- Phía Bắc là:.....
- Phía Nam là:.....
- Phía Đông là Tây là:.....

Quan sát hình 6.2 sgk trang 33, Sông Nin đã đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?

- Về đất đai, nguồn nước, kinh tế, giao thông

*** GV mở rộng kiến thức:** Ở Ai Cập, nước sông Nin lên xuống hai mùa trong năm khá ổn định. Khi nước dâng cao, toàn bộ lưu vực sông trở thành một biển nước mênh mông. Khi nước rút đi, để lại hai bên bờ một lớp phù sa màu mỡ, rất mềm và xốp, dễ canh tác. Người ta chỉ cần dùng những công cụ bằng gỗ và đá, chọc lỗ, gieo hạt hoặc cuốc xới qua loa cũng thu hoạch được một mùa bội thu. Khi thu hoạch xong thì cũng bắt đầu mùa khô, đất phù sa pha cát bị gió mạnh thổi mù trời... Vì thế mà Hê-rô-đốt miêu tả rất hình ảnh rằng sông Nin luôn biến Ai Cập từ một bồn nước trở thành một vườn hoa và một đồng cát bụi.

Quan sát hình 6.1 sgk trang 32 và hình 6.3 sgk trang 33, em hãy cho biết chữ nào trong hai chữ tượng hình dưới đây được dùng để diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập. Lí giải sự lựa chọn?

- GV gợi ý: Sông Nin chảy từ Nam xuống Bắc. Tức là từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập và đổ ra Địa Trung Hải.

Phân: Nhận xét về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập. → HS tự học phần này

II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại

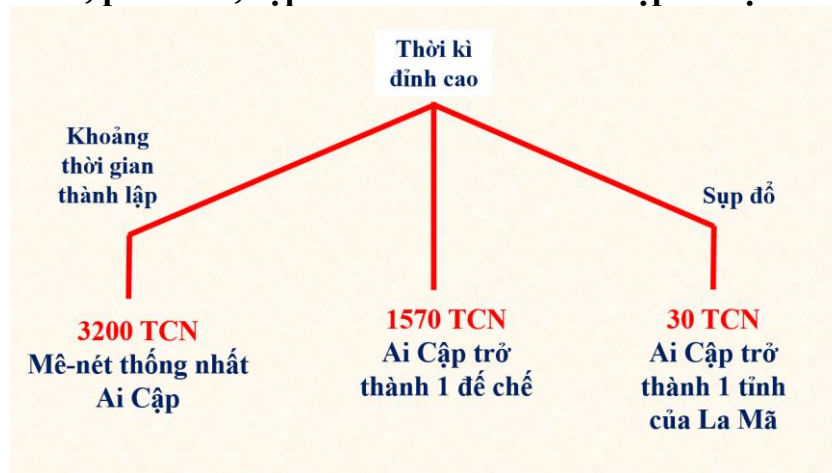
GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II, quan sát hình 6.4 sgk trang 34 và trả lời câu hỏi về quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại:

- Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu?
- Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào?
- Tại sao phiên đá Namer (Na-mơ) lại cho chúng ta ít nhiều những thông tin về quá trình thống nhất này?
 - + Hình ảnh người đàn ông chỉ tay vào một người đang quỳ xuống bên dưới - mặt 1.
 - + Hình ảnh người đàn ông dẫn đầu một hàng quân có vũ khí - mặt 2.
 - + Vua Namer đội cả hai vương miện (vương miện ở Thượng Ai Cập màu trắng, ở Hạ Ai Cập màu đỏ).

*** GV mở rộng kiến thức:** Namer và những người kế vị đã cai trị Ai Cập theo hình thức cha truyền con nối. Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là các pha-ra-ông (Kẻ ngự trong cung điện),

có quyền lực tối cao, sở hữu toàn bộ đất đai, của cải, có quân đội riêng → Nhà nước quân chủ chuyên chế.

Quá trình hình thành, phát triển, sụp đổ của nhà nước Ai Cập cổ đại



*** Tài liệu tham khảo:**

- <https://www.youtube.com/watch?v=FXy4dzpeEsU> (Sông Nile: Con sông độc nhất vô nhị - HD Thuyết minh tiếng Việt)
- <https://laodong.vn/the-gioi/khao-co-ai-cap-tiet-lo-kinh-ngac-ve-nen-van-minh-co-dai-934845.lido> (Khảo cổ Ai Cập tiết lộ kinh ngạc về nền văn minh cổ đại - Báo Người Lao Động)

B. Nội dung bài học (HS viết bài phân này vào vở học)

CHƯƠNG 3 XÃ HỘI CỔ ĐẠI

BÀI 6: AI CẬP CỔ ĐẠI (Tiết 1, 2)

I. Điều kiện tự nhiên

- Ai Cập cổ đại nằm ở phía đông bắc châu Phi.
 - + Phía bắc là vùng Hạ Ai Cập, nơi sông Nin đổ ra Địa Trung Hải.
 - + Phía nam là vùng Thượng Ai Cập với nhiều núi và đồi cát.
 - + Phía đông và phía tây giáp sa mạc.
- Nguồn nước sông Nin dồi dào thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.
- Sông Nin còn là tuyến đường giao thông chủ yếu giữa các vùng.

II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại

- Khoảng 3000 TCN nhà nước Ai Cập được thống nhất bằng những cuộc chiến tranh
- Đứng đầu là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao
→ Nhà nước quân chủ chuyên chế
- Năm 30 TCN, người La Mã xâm chiếm Ai Cập, nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ.

C. Bài tập luyện tập, củng cố (HS làm bài tập phía sau vở học/vở bài tập)

Bài tập 1: Trắc nghiệm

Câu 1: Ai Cập nằm ở khu vực nào hiện nay?

- A. Đông Bắc châu Phi
- B. Tây Bắc châu Phi
- C. Đông Nam châu Phi
- D. Tây Nam châu Phi

Câu 2: Khoảng thời gian nào nước sông Nin dâng cao, tràn lên hai bên bờ?

- A. Tháng 5 đến tháng 7
- B. Giữa tháng 7 đến tháng 10
- C. Tháng 11 đến tháng 2
- D. Tháng 3 đến tháng 6

Câu 3: Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

- A. Sông Ấn
- B. Sông Hằng
- C. Sông Nin
- D. Sông Nhị

Câu 4: Việc nhà nước Ai Cập cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?

- A. Sự chia cắt về lãnh thổ
- B. Tình trạng hạn hán kéo dài
- C. Sự tranh chấp lãnh thổ xảy ra
- D. Tình trạng lũ lụt xảy ra vào mùa mưa

Câu 5: Tại sao nhà nước Ai Cập cổ đại sớm hình thành và phát triển ở lưu vực sông Nin?

- A. Đây là địa bàn cư trú của người nguyên thủy
- B. Cư dân ở đây sớm phát minh ra công cụ bằng kim loại
- C. Do có điều kiện thuận lợi về khí hậu
- D. Do có nhiều điều kiện thuận lợi để con người sinh sống và sản xuất

Câu 6: Nguyên nhân chính nào làm nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ?

- A. Do mâu thuẫn trong nội bộ nhà vua
- B. Người La Mã xâm chiếm Ai Cập
- C. Không có người lãnh đạo đất nước
- D. Tập trung xâm chiến gây chiến các nước khác

Câu 7: Vị vua nào đã thống nhất Thượng Ai Cập và Hạ Ai Cập?

- A. Vua Hô-rút
- B. Vua Na-mơ
- C. Vua He-ri
- D. Vua Cheops

Câu 8: Người đứng đầu nhà nước Ai Cập gọi là:

- A. Tể tướng
- B. Tướng lĩnh
- C. Pha-ra-ông
- D. Tu sĩ

Câu 9: Nhà nước Ai Cập cổ đại sụp đổ vào thời gian nào?

- A. 30 TCN
- B. 160 TCN
- C. 40 TCN
- D. 3200 TCN

Câu 10. Chế độ quân chủ chuyên chế là gì?

- A. Do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành
- B. Đất nước chịu sự cai trị của Thái tử

C. Do vua đứng đầu nhưng quyền lực do tể tướng quyết định

D. Quyền hành thuộc về hoàng hậu

Bài tập 2: Em hiểu thế nào về câu nói của sử gia Hi Lạp cổ đại Hê-rô-dốt “Ai Cập là quà tặng của sông Nin”.

Bài tập 3: Sự ra đời của nhà nước Ai Cập cổ đại dựa trên cơ sở nào?

D. Dẫn dò

- **Học bài:** Bài 6 phần I, II; Hoàn thành các bài tập đầy đủ vào vở theo yêu cầu

- **Chuẩn bị tiết sau:** BÀI 6 AI CẬP CỔ ĐẠI phần III

Các em đọc trước nội dung và tìm hiểu kiến thức hoàn thành vào bảng sau:

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	
Toán học	
Kiến trúc- điêu khắc	
Y học	

LƯU Ý: GIẢI BÀI TẬP TUẦN 5

Bài tập 1:

- Kim loại đầu tiên được con người phát hiện ra là gì?

→ Đồng đỏ

- Con người luyện được đồng thau và sắt vào thời gian nào?

→ Đầu thiên niên kỉ II TCN

- Nguyên nhân làm xã hội phân hóa giàu nghèo ?

→ Sản phẩm surplus thừa thường xuyên

- Người giàu được gọi là giai cấp gì?

→ Giai cấp thống trị

- Mối quan hệ giữa người với người như thế nào trong xã hội có sự phân hóa giàu nghèo?

→ Quan hệ bất bình đẳng

- Dấu ấn tạo nên sự chuyển biến trong đời sống của người Việt cuối thời kì nguyên thủy là gì?

→ Phát minh ra thuật luyện kim và chế tạo công cụ lao động, vũ khí bằng đồng

- Xã hội Việt Nam cuối thời nguyên thủy gắn liền với mấy nền văn hóa?

→ 3 nền văn hóa: Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun

- Kể tên một số con sông lớn mà người Việt đã định cư ở ven đây?

→ Sông Hồng, sông Mã, sông Đồng Nai

Bài tập 2:

- Những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy:

• Kinh tế: khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, xuất hiện nghề luyện kim, chế tạo vũ khí,... của cải có sự dư thừa.

• Xã hội: Có sự phân hóa giàu nghèo.

- Phát minh quan trọng của người nguyên thủy tạo nên những chuyển biến này là công cụ lao động bằng kim loại.

Bài tập 3:

Một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy: lưỡi cuốc, dao, rìu chặt cây, lưỡi câu, xiên nướng thịt,...

BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ (TIẾT 2)

I/ HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ TÌM HIỂU BÀI

Hoạt động 1: II. Tỷ lệ bản đồ

• **Nhiệm vụ 1:**

Dựa vào đoạn thông tin SGK/121 “Tỷ lệ bản đồ cho biết...của hai địa điểm này là 750m”, em hãy cho biết:

Câu hỏi: Tỷ lệ bản đồ cho biết điều gì? (HS tìm thông tin trong đoạn văn)

- Tỷ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

Câu hỏi: Tỷ lệ bản đồ được thể hiện như thế nào? (HS tìm thông tin trong đoạn văn)

- Tỷ lệ số và tỷ lệ thước.

- **Tỷ lệ số** là tỷ lệ được ghi như sau, ví dụ: Tỷ lệ 1: 10 000 hoặc $\frac{1}{10\,000}$

Hướng dẫn Hs cách đọc tỷ lệ số

Ví dụ: Tỷ lệ 1: 10 000 có nghĩa là 1cm trên bản đồ bằng 10 000 cm và bằng 100m (đổi đơn vị chương trình toán lớp 5) trên thực tế.

+ **Tỷ lệ số:** là một phân số luôn có tử số là 1. Mẫu số càng lớn thì tỷ lệ bản đồ càng nhỏ.

Ví dụ: Tỷ lệ $\frac{1}{10\,000} > \frac{1}{20\,000} > \frac{1}{100\,000}$

- **Tỷ lệ thước:** là tỷ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo tính sẵn (hình dưới)



Mỗi đoạn trên thước đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực tế.

Ví dụ: mỗi 1 đoạn tô màu vàng hoặc đen trên thước bằng 75m ngoài thực tế.

• **Nhiệm vụ 2: Bài tập tính khoảng cách thực tế dựa vào tỷ lệ bản đồ**

Ví dụ minh họa và hướng dẫn làm mẫu: Độ dài giữa hai điểm A và B trên bản đồ có tỷ lệ 1: 15 000 là 5cm thì khoảng cách trên thực địa của hai địa điểm này là bao nhiêu mét?

Để làm bài này em cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Hiểu ý nghĩa tỷ lệ: Tỷ lệ bản đồ 1: 15 000 có nghĩa 1cm trên bản đồ bằng 15000 cm và bằng 150m trên thực tế

Bước 2: Xác định khoảng cách trên bản đồ: Độ dài từ A đến B là 5cm (mà 1cm trên bản đồ bằng 150m)

Bước 3: Quy đổi ra kết quả: Vậy độ dài từ A đến B trên thực tế = $5 \times 150 = 750\text{m}$

Dựa vào hướng dẫn phía trên em tự làm bài tập sau vào vở:

Bài tập: Độ dài giữa hai điểm A và B trên bản đồ có tỉ lệ 1: 30 000 là 3cm thì khoảng cách trên thực tế của hai địa điểm này là bao nhiêu mét?

Hoạt động 2: III. Tìm đường đi trên bản đồ



II/ NỘI DUNG BÀI HỌC (các em hãy ghi chép thật cẩn thận vào vở!)

BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ (TIẾT 2)

II. Tỉ lệ bản đồ

- Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, ta thực hiện:

+ Bước 1: Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước.

+ Bước 2: Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

+ Bước 3: Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.

Nhiệm vụ 2: Sửa bài tập

Tỉ lệ bản đồ: 1cm trên bản đồ ứng với 30 000cm= 300m thực tế

Độ dài A đến B trên bản đồ là: 3 cm

Vậy độ dài A đến B trên thực tế = $3 \times 300 = 900\text{m}$

III. Tìm đường đi trên bản đồ

- Để tìm được đường đi trên bản đồ cần nhiều kĩ năng bao gồm: cách xác định phương hướng trên bản đồ, đo tính khoảng cách, sử dụng bảng chú giải...

III. LUYỆN TẬP (các em trình bày bài tập vào vở)

Bài tập: Dựa vào tỉ lệ em hãy tính (kẻ bảng vào vở)

Câu	Tỉ lệ	Số cm trên <u>bản đồ</u>	Số cm ngoài <u>thực tế</u>	Số Km ngoài <u>thực tế</u>
a)	1: 15 000			
b)	1: 2 200 000			
c)	1: 7500			
d)	1: 6 000 000			

LƯU Ý: GIẢI BÀI TẬP TUẦN 5

- Nhà hát Thành Phố nằm ở phía nào của Hội trường Thống Nhất?

→ Phía Đông.

- Chợ Bến Thành nằm ở phía nào của Nhà hát Thành Phố?

→ Phía Tây Nam.